|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD& ĐT GIAO THỦY  **TRƯỜNG THCS GIAO XUÂN** | **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **Môn: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7**  *Thời gian làm bài: 60 phút* |

**\**Phân môn Lịch sử***

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI** | **1. Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: thời Lý** | **Nhận biết**  – Trình bày được sự thành lập nhà Lý.  **Thông hiểu**  - Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý  - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý.  **Vận dụng**  - Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn.  - Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077).  - Đánh giá được vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077). | 1TN |  |  |  |
| **2** |  | **2. Việt Nam từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV: Thời nhà Trần, Hồ**  **+ Thời Trần** | **Nhận biết**  - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần.  Thông hiểu  - Nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  - Mô tả được sự thành lập nhà Trần  - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá tiêu biểu  **Vận dụng**  - Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  - Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông...  - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.  - Nhận xét được tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt | 1TN |  |  |  |
|  |  | **+ Thời Hồ** | **Nhận biết**  – Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly  - Nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.  – Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh  – Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược. | 1TN | 1TL  (C9) |  |  |
| **3** |  | **3. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)** | **Nhận biết**  – Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn  **Thông hiểu**  – Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn  – Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn  **Vận dụng**  – Đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... | 2 TN |  | 1/2TL  (10.a) | 1/2TL  (10.b) |
| **4** |  | **4. Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527)** | **Nhận biết**  – Trình bày được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ:  **Thông hiểu**  – Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ | 1TN |  |  |  |
| **Số câu** | | | | **6 TN** | **1TL** | **1/2TL** | **1/2TL** |
| **Số điểm** | | | | **1,5 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **0,5 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **15 %** | **20 %** | **10 %** | **5 %** |

**\* *Phân môn Địa lí***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | **Sô câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **CHÂU MỸ** | **– Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ**  **– Phát kiến ra châu Mỹ**  **(10% giữa kỳ 2)**  **- Dân cư, xã hội của các khu vực Trung và Nam Mỹ**  **– Phương thức con người khai thác, sử dụng và  bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ** | **Nhận biết**  – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.  – Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.  – Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ La-tinh. | 2TN  1TN |  |  |  |
| **Thông hiểu**  – Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502).  – Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ.  – Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá ở Bắc Mỹ.  – Trình bày được sự phân hoá tự nhiên ở Trung và Nam Mỹ: theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi An-đét).  – Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Trung và Nam Mỹ thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn. |  | 1TL(9a)\*  1TL(9b)\* |  |  |
| **Vận dụng**  – Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ. |  |  |  |  |
| 2 | **CHÂU ĐẠI DƯƠNG** | **– Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương**  **– Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia**  **– Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên** | **Nhận biết**  – Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản.  – Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.  **Thông hiểu**  – Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a  **Vận dụng cao**  – Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a | 1TN\*  2TN\* |  |  |  |
| 3 | **CHÂU NAM CỰC** | **- Vị trí địa lí của châu Nam Cực**  **– Lịch sử phát kiến châu Nam Cực**  **– Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực** | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.  – Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.  – Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực: địa hình, khí hậu, sinh vật.  **Vận dụng cao**  – Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. |  |  |  | 1TL(10) |
| **Số câu** | | |  | **6TN** | **1/2TL(9a)** | **1/2TL(9b)** | **1TL (10)** |
| **Số điểm** | | |  | **2,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tổng hợp chung: Lịch sử và Địa lí** | | |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu:** | | | **16 câu** | **16 TN** | **1 +1/2 TL** | **1/2 + 1/2 TL** | **1 + 1/2 TL** |
| **Tổng số điểm:** | | | **10 điểm** | **3,0** | **4,0** | **2,0** | **1,0** |
| **Tổng tỉ lệ:** | | | **100%** | **30 %** | **40 %** | **20 %** | **10 %** |